

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 863/2019/HC-PT

Ngày: 26 - 11 - 2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai
thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải
phóng mặt bằng, tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh;

Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 480/2019/TLPT-HC ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 509/2019/HC-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3115/2019/QĐXX-PT ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố 6, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phan Đình T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố 1, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND quận T: Ông Nguyễn

Hữu Anh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND quận T: Ông Ôn Nhật Thanh T – chuyên viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận T và ông Dương Thành Nh – Công chức địa chính xây dựng đô thị môi trường. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện - bà Phạm Ngọc H, cùng người đại diện hợp pháp của người khởi kiện - ông Phan Đình T trình bày:

Bà Phạm Ngọc H bị thu hồi toàn bộ nhà và đất diện tích 232,7m² trong đó có 168m² đất ở và 64,7m² ký hiệu là ĐM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H054782 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T1, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/01/1998. Đất thuộc một phần thửa 16, 19, tờ bản đồ số 25 theo tài liệu bản đồ năm 2004 của phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 17881 (16B-25) ĐĐBĐ - CNTĐ do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh T lập ngày 28/11/2013. Đất của bà Phạm Ngọc H bị giải toả theo dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/11/2015, UBND quận T ban hành Quyết định số 6279/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh, bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Ngọc H số tiền là 1.745.424.998 đồng (một tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi tám đồng). Trong đó, tiền bồi thường hỗ trợ về đất là 1.368.992.372 đồng. Bà Phạm Ngọc H không đồng ý và có đơn khiếu nại quyết định bồi thường trên.

Ngày 22/3/2016, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 1246/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Ngọc H, kết quả giải quyết khiếu nại không công nhận khiếu nại của bà H.

Ngày 21/5/2018, bà Phạm Ngọc H có đơn kiến nghị UBND quận T xem xét bồi thường thêm cho bà 32m² đất ở cho đủ hạn mức 200m². UBND T ban hành Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 trả lời đơn khiếu nại của bà Phạm Ngọc H, nội dung: không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Ngọc H.

Bà Phạm Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ: Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND quận T; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch UBND quận T; Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 của Chủ tịch UBND quận T.

Lý do thứ 1: Theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 64/2001/QĐ-UBND ngày 30/7/2001 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 225/2005/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 thì hạn mức

bồi thường đất ở tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là 200m². UBND quận T căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H054782 do UBND huyện T1, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/01/1998 để bồi thường 168m² đất ở là chưa đủ hạn mức bồi thường đất ở là 200m² tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, chưa đúng với hiện trạng thực tế.

Lý do thứ 2: Cũng theo Quyết định thu hồi đất số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh nhiều hộ dân bị thu hồi đất trong dự án Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh đã được bồi thường hỗ trợ cho đủ theo hạn mức 200m²; cụ thể như hộ ông Nguyễn Văn Nh, Phạm Văn V, Nguyễn Tiến L. Do vậy, UBND quận T phải xem xét việc bồi thường, hỗ trợ thêm cho bà Phạm Ngọc H 32m² đất ở cho đủ hạn mức bồi thường đất ở là 200m² để đảm bảo sự công bằng giữa các hộ dân.

Người bị kiện UBND quận T và Chủ tịch UBND quận T trình bày:

Trong phạm vi giải tỏa để thực hiện dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi và giao đất cho Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và quản lý tại phường L và phường L1, quận T, hộ bà Phạm Ngọc H có phần đất, nhà ở, công trình, vật kiến trúc trên đất và tài sản khác đang sử dụng nằm trong ranh giải tỏa. Ngày 22/8/2013, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận lập Biên bản kiểm kê hiện trạng đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn quận T đối với hộ bà Phạm Ngọc H sử dụng nằm trong ranh giải tỏa. Diện tích bà H bị giải tỏa là 168m² đất ở và 64,7m² ký hiệu là ĐM tọa lạc tại phường L, quận T theo tài liệu bản đồ năm 2004.

Ngày 06/11/2015, UBND quận T ban hành Quyết định số 6279/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh tại phường L1, phường L, quận T với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.745.424.998 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng). Bà Phạm Ngọc H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, đồng thời có đơn khiếu nại Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015.

Ngày 22/3/2016, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 1246/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Phạm Ngọc H, với nội dung giữ nguyên chính sách đã áp dụng chi trả bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho bà Phạm Ngọc H tại Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND quận T.

Ngày 21/5/2018, bà Phạm Ngọc H có đơn kiến nghị UBND quận T xem xét bồi thường thêm cho bà 32m² đất ở cho đủ hạn mức 200m² theo quy định. Việc kiến nghị của bà Phạm Ngọc H đã được Chủ tịch UBND quận T trả lời lại Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

UBND quận T xác định giữ nguyên Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND quận T; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch UBND quận T; Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 của Chủ tịch UBND quận T. UBND quận T đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch UBND quận T, ông Dương Thành Nh trình bày:

Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 là văn bản hành chính thông thường, thông tin, giải thích các nội dung liên quan (không phải là quyết định giải quyết khiếu nại).

Căn cứ Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, UBND quận T nhận thấy thời hiệu để bà Phạm Ngọc H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 đã hết thời hạn. UBND quận T xác định giữ nguyên Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND quận T; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch UBND quận T; Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 của Chủ tịch UBND quận T. UBND quận T đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 509/2019/HC-ST ngày 22/5/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Bác yêu cầu bà Phạm Ngọc H, về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận T; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T; Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 của Chủ tịch UBND quận T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/6/2019, bà Phạm Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bà Phạm Ngọc H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân quận T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tổ tụng, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết khởi kiện của bà Phạm Ngọc H theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phạm Ngọc H nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên có cơ sở chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Ngọc H. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng

hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo, bà Phạm Ngọc H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND quận T; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch UBND quận T; Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 của Chủ tịch UBND quận T liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình bà Phạm Ngọc H do bị thu hồi toàn bộ nhà và đất diện tích 232,7m² trong đó có 168m² đất ở và 64,7m² ký hiệu là ĐM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H054782 do UBND huyện T1, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/01/1998, nay là UBND quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H cho rằng bà đủ điều kiện được bồi thường diện tích đất ở là 200m² theo hạn mức bồi thường đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H được cấp thể hiện, bà H chỉ có 168m² đất được công nhận là đất ở. Trên cơ sở đó, căn cứ vào Điều 74 Luật đất đai năm 2013, UBND quận T bồi thường cho bà H 168 m² với đơn giá đất ở là có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc bồi thường này cũng phù hợp với quy định tại Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 31/5/2006 của Chủ tịch UBND quận T phê duyệt Phương án số 37/PABT-UBND-TCKH ngày 30/5/2006 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn phường L1, phường L, quận T; các chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện tại Văn bản số 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/4/2008 của UBND Thành Phố Hồ Chí Minh về tính hỗ trợ thêm lãi suất ngân hàng; Văn bản số 429/UBND-ĐTMT ngày 25/01/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản số 2742/UBND-ĐTMT ngày 21/5/2015 về điều chỉnh, bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng.

Do vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Phạm Ngọc H, cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Bà Phạm Ngọc H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Phạm Ngọc H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 509/2019/HCST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu bà Phạm Ngọc H, về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Ủy ban nhân dân Quận T; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T; Văn bản số 2999/UBND-GPMB ngày 27/6/2018 của Chủ tịch UBND quận T.

2. Về án phí:

Bà Phạm Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0049261 ngày 03/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Ngọc H đã thực hiện xong.

Bà Phạm Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0025884 ngày 13/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Ngọc H đã thực hiện xong.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Minh

Phạm Công Mười

Trần Thị Thu Thủy